

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/DS-ST
Ngày 25-7-2025
“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – QUẢNG NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Ngọc An

Các hội thẩm nhân dân: bà Bùi Kim Dung và ông Lê Như Toàn.

Thư ký phiên tòa: ông Triệu Sinh Thủy, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh tham gia phiên tòa: bà Trương Thị Khánh Ly, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 6 năm 2025 và ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 354/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2025/QĐST-DS, ngày 29/5/2025; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 24/2025/QĐST-DS ngày 25/6/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 (V1); địa chỉ: tầng A (tầng trệt) và tầng 2, Tòa nhà S, số A P, phường B, Quận A (nay là phường S), Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: ông Hàn Ngọc V, chức danh: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Hoàng Q, ông Phạm Văn T, bà Phạm Thị Mai P; đều có địa chỉ: VIB H, số H L, phường H, thành phố H (nay là phường H), tỉnh Quảng Ninh; ông Q, ông T có mặt; bà P vắng mặt.

2. Bị đơn: anh Vũ Văn T1, sinh năm 1999; nơi cư trú: tổ C, khu M, phường Đ, thành phố H (nay là phường T), tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 29/7/2024 và nội dung trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Ngày 13/4/2021, anh Vũ Văn T1 đã đề nghị Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 (sau đây viết tắt là Ngân hàng) phát hành thẻ tín dụng quốc tế cho anh T1 và Ngân hàng đã chấp thuận (số tài khoản thẻ: C000000000436348), với nội dung như sau: hạn mức thẻ được cấp tín dụng là 120.000.000 đồng; mục đích cấp tín dụng: vay tiêu dùng; về mức tính lãi suất và biểu phí sử dụng thẻ được niêm yết công khai tại Webside của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1. Quá trình thực hiện, anh Vũ Văn T1 đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại Đề nghị phát hành thẻ tín dụng. Vì vậy, Ngân hàng đã chuyển khoản vay thành nợ quá hạn từ ngày 23/12/2023.

Do đó, đến nay Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết: buộc anh Vũ Văn T1 phải trả cho ngân hàng (tạm tính đến ngày 25/7/2025), số tiền là 236.664.681 đồng; trong đó: nợ gốc là 119.800.969 đồng, nợ lãi là 75.514.025 đồng, nợ phí là 41.349.687 đồng.

2. Đối với bị đơn anh Vũ Văn T1: quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, các Giấy triệu tập, Thông báo về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Vũ Văn T1 ở tại địa chỉ: tổ C, khu M, phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Tuy nhiên, anh T1 đã chuyển đi nơi khác sinh sống không có mặt tại địa chỉ trên. Do đó, anh T1 không có quan điểm về việc giải quyết vụ án.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án: việc Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật; xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng, tiến hành mở phiên tòa sơ thẩm được thực hiện đúng, đầy đủ, đảm bảo các quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định về quyền, nghĩa vụ của đương sự theo các Điều 70, Điều 71 và Điều 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn thay đổi nơi cư trú, không thông báo cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 biết là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 100, 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

4. Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

* Tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 13/4/2021 (bản phô tô); Đơn đề nghị nộp tiền giải chấp 1 tài sản bảo đảm (bản đối chiếu); Bảng kê tính lãi.

* Tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp: không có.

* Tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập: Kết luận giám định số 913/KL-KTHS ngày 17/7/2025.

* Các tình tiết sự kiện không phải chứng minh: không.

* Nội dung đương sự đã thỏa thuận thống nhất được: không.

* Nội dung các đương sự không thống nhất được: toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các nội dung trình bày, yêu cầu của đương sự; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: tranh chấp giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 và anh Vũ Văn T1 là tranh chấp hợp đồng tín dụng (mục đích vay: vay tiêu dùng); bị đơn có nơi cư trú tại khu M, phường Đ, thành phố H (nay là phường T), tỉnh Quảng Ninh. Nên, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số: 85/2025/QH15, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1- Quảng Ninh).

[1.2] Về xác định tư cách đương sự, việc tham gia tố tụng và xét xử vắng mặt đương sự.

* Về xác định đương sự trong vụ án: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 khởi kiện anh Vũ Văn T1. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nguyên đơn trong vụ án được xác định là Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1; bị đơn trong vụ án được xác định là anh Vũ Văn T1.

* Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: tại Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế, thể hiện địa chỉ của anh T1 ở tại tổ C, khu M, phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Tại Đơn khởi kiện Ngân hàng đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện theo địa chỉ ghi trong hợp đồng. Tuy nhiên, khi Tòa án tổng đạt

Thông báo thụ lý vụ án thì không thực hiện được do anh T1 đã không còn sinh sống tại địa chỉ nêu trên nhưng không thông báo cho Ngân hàng biết về nơi cư trú mới của anh T1. Ngày 24/02/2025, Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long đã xác minh tại Công an phường Đ, thành phố H, nội dung Công an phường cung cấp như sau: *“Vũ Văn T1, sinh năm 1999; nơi thường trú: tổ C, khu M, phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Hiện nay, Vũ Văn T1 vắng mặt tại địa phương. Vũ Văn T1 đi đâu, làm gì địa phương không nắm được. Vũ Văn T1 không thực hiện kê khai thay đổi nơi cư trú tại Công an phường Đ. Vũ Văn T1 hiện nay vẫn đăng ký thường trú tại tổ C, khu M, phường Đ”*. Căn cứ khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, trong trường hợp này được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh) tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung là đảm bảo quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long đã thực hiện thủ tục niêm yết công khai và thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đảm bảo quy định tại Điều 179 và Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự, đối với toàn bộ văn bản tố tụng cần tổng đạt cho bị đơn anh Vũ Văn T1 theo quy định.

Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Vũ Văn T1 là đảm bảo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 13/4/2021, anh Vũ Văn T1 đã đề nghị Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 phát hành thẻ tín dụng quốc tế cho anh T1 và Ngân hàng đã chấp thuận (số tài khoản thẻ: C000000000436348), với nội dung như sau: hạn mức thẻ được cấp tín dụng là 120.000.000 đồng; mục đích cấp tín dụng: vay tiêu dùng; về mức tính lãi suất và biểu phí sử dụng thẻ được niêm yết công khai tại Webside của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1. Do anh T1 vi phạm nghĩa vụ của người sử dụng thẻ tín dụng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với ngân hàng, nên toàn bộ khoản nợ của anh T1 đã chuyển thành nợ quá hạn từ ngày 23/12/2023. Đến nay Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh T1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng (tạm tính đến ngày 25/7/2025), số tiền là 236.664.681 đồng; trong đó: nợ gốc là 119.800.969 đồng, nợ lãi là 75.514.025 đồng, nợ phí là 41.349.687 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với yêu cầu trả nợ gốc, nợ lãi, nợ phí như nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: trên cơ sở sự thỏa thuận của anh Vũ Văn T1 và Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 (Đề nghị mở thẻ tín dụng quốc tế ngày 13/4/2021): về số tiền nợ gốc, mức lãi suất áp dụng và cách tính lãi (theo bảng kê tính lãi chi tiết); nợ phí đảm bảo quy định tại Điều 463, khoản 1, khoản 5 Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 92 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (tương ứng là Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024); khoản 1

Điều 13, Điều 14 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: chi phí thực hiện thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 8.000.000 đồng, đã được Tòa án đề cập xử lý tại bản án số 06/2025/KDTM-ST ngày 25/6/2025, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm, xử lý tiền tạm ứng án phí: vì anh Vũ Văn T1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 số tiền là: 236.664.681 đồng. Nên căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án thì anh Vũ Văn T1 phải chịu 11.833.234 (mười một triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn, hai trăm ba mươi tư) đồng.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.088.554 (bốn triệu, không trăm tám mươi tám nghìn, năm trăm năm mươi tư) đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001374 ngày 08/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Quảng Ninh).

[5] Về quyền kháng cáo: các đương sự, người đại diện hợp pháp có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 180, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 40, Điều 116, Điều 357, Điều 463, khoản 1, khoản 5 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 100, 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; khoản 2 Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1:

Anh Vũ Văn T1 có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 (tạm tính đến hết ngày 25/7/2025) số tiền là 236.664.681 (hai trăm ba mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi tư nghìn, sáu trăm tám mươi một) đồng; trong đó: nợ gốc là 119.800.969 (một trăm mười chín triệu, tám trăm nghìn, chín trăm sáu mươi chín) đồng; nợ lãi là 75.514.025 (bảy mươi lăm triệu, năm trăm mười bốn nghìn, không trăm hai mươi lăm) đồng, nợ phí là 41.349.687 (bốn mươi một triệu, ba trăm bốn mươi chín nghìn, sáu trăm tám mươi bảy) đồng; theo Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế C000000000436348 ngày 13/4/2021.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/7/2025) cho đến khi thi hành án xong, anh Vũ Văn T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thoả thuận tại Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế C000000000436348, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 và anh Vũ Văn T1 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp trong tại Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế C000000000436348 các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng thì lãi suất mà anh Vũ Văn T1 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm, xử lý tiền tạm ứng án phí:

Anh Vũ Văn T1 phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 11.833.234 (mười một triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn, hai trăm ba mươi tư) đồng.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.088.554 (bốn triệu, không trăm tám mươi tám nghìn, năm trăm năm mươi tư) đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001374 ngày 08/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Quảng Ninh).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 1 – Quảng Ninh;
- Thi hành án DS tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Người đại diện hợp pháp;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Ngọc An